

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2024/HS-ST
Ngày 25-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Ông Bùi Văn Khương

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn J – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 138/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

NNT, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1989 tại Hà Giang; nơi cư trú: Số A đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông E (đã chết) và bà NLQ có vợ là F, sinh năm 1990; có 02 con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 08/2014/HSST ngày 14/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xử phạt 32 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tại Bản án số 18/2021/HSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” (đều đã được xóa án tích); bị bắt tạm giam ngày 21/6/2024; có mặt.

Bị hại: Chị BH, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 114 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà NLQ, sinh năm 1950; nơi cư trú: Số A đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người làm chứng: Anh NLC và anh NLC1; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/6/2024, chị BH, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 114 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng trình báo về việc tại cửa hàng đá mỹ nghệ J (địa chỉ số 1 đường K, phường L, quận M, thành phố Hải Phòng) do chị BH là chủ cửa hàng có bị mất trộm 05 bức phù điêu chạm khắc. Ngày 17/6/2024, NNT đến Công an phường Hạ Lý trình diện và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 13/6/2024, NNT một mình điều khiển xe mô tô mang biển số 23D1 - 044.80 từ nhà đến trước cửa hàng đá mỹ nghệ J phát hiện có nhiều tấm đá chạm khắc hình phù điêu, xung quanh không có người trông coi nên NNT nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thấy vắng người, NNT dựng xe mô tô dưới lòng đường, đi bộ vào trước cửa hàng dùng hai tay bẻ 02 tấm chạm khắc phù điêu (01 tấm chạm khắc hình con hươu và 01 tấm chạm khắc hình con chim) đặt lên yên xe mô tô rồi chở ra để ở vỉa hè cầu N. Sau đó, NNT tiếp tục điều khiển xe quay lại cửa hàng lấy thêm 03 tấm đá chạm khắc phù điêu (01 tấm chạm khắc hình con hươu, 01 tấm chạm khắc hình đầu sói và 01 tấm chạm khắc hình cây tùng) đặt lên xe mô tô rồi đi ra cầu N lấy 02 tấm đá đã lấy được trước đó và chở tất cả 5 tấm đá chạm khắc về nhà. Trên đường về, NNT làm rơi 01 tấm đá chạm khắc hình con hươu nên NNT bẻ tấm đá này để lại ở gốc bồn cây vườn hoa đập O. Ngày 14/6/2024, NNT đem tấm đá chạm khắc hình cây tùng cho anh NLC, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 111 đường Trần Nhân Tông, phường Quán Trữ, quận D, thành phố Hải Phòng. Ngày 16/6/2024 NNT quay lại nhặt tấm đá chạm khắc hình con hươu để ở bồn cây vườn hoa đập O mang đi cho anh NLC và 01 tấm đá chạm khắc hình con chim bán cho NLC1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 70 Đường P, phường Q, quận R, thành phố Hải Phòng với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng NLC1 chưa trả tiền. Còn lại 02 tấm đá chạm khắc NNT cất giấu tại chỗ ở.

Tại Cơ quan điều tra, NNT giao nộp 01 chiếc xe mô tô biển số 23D1 - 044.80. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của NNT tại số A B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng thu giữ được 01 tấm đá màu xanh hình tròn chạm khắc hình con hươu, 01 tấm đá màu xanh hình tròn chạm khắc hình đầu sói, 01 quần vải dài màu nâu, 01 áo phông ngắn tay màu xanh đậm có chữ “Li ning” trước ngực (NNT khai nhận đây là bộ quần áo NNT mặc khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 13/6/2024).

Ngày 17/6/2024 anh NLC và anh NLC1 đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra 03 tấm đá chạm khắc do NNT cho và bán.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 1612 ngày 21/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Hồng Bàng kết luận: “02 (hai) tấm đá chạm khắc phù điêu màu xanh hình con hươu kích thước 47 x 47 x 7cm trị giá 14.000.000 đồng; 01 (một) tấm đá chạm khắc phù điêu màu xanh hình con hươu kích thước 41 x 41 x 7cm trị giá 7.000.000 đồng; 01 (một) tấm đá chạm khắc phù điêu màu xanh hình đầu sói kích thước 41 x 41 x 7cm trị giá 7.000.000 đồng; 01 (một) tấm đá chạm khắc phù điêu màu xanh hình đầu sói kích thước 61 x 52 x 11cm trị giá 32.000.000 đồng”.

Lời khai nhận của NNT phù hợp với đơn trình báo, lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ, dữ liệu hình ảnh camera thu được, lời khai nhân chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng của vụ án:

- Chuyên Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển số 23D1 - 044.80; 01 quần vải dài màu nâu, 01 áo phông ngắn tay màu xanh đậm có chữ “Li ning” trước ngực.

- Đối với 05 tấm đá chạm khắc phù điêu trên, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chị BH là chủ sở hữu hợp pháp.

Về dân sự: Chị BH không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại Cáo trạng số 108/CT-VKSHB ngày 25/9/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo NNT về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo NNT đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, lời khai của bị hại, Kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ, dữ liệu hình ảnh camera thu được, lời khai nhân chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NNT với mức án từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, do bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản riêng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị BH đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, nên không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 quần vải dài màu nâu, 01 áo phông ngắn tay màu xanh đậm có chữ “Li ning” trước ngực (đã qua sử dụng). Trả lại cho bà NLQ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển số 23D1 - 044.80.

- Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về sự vắng mặt của bị hại và người làm chứng:

[3] Bị hại chị BH, người làm chứng anh NLC và anh NLC1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không đề nghị hoãn phiên tòa về sự vắng mặt của họ. Xét thấy bị hại, người làm chứng đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và sự vắng mặt của họ tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại và người làm chứng.

- Về các tình tiết của vụ án:

[4] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo NNT đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, lời khai của bị hại, Kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ, dữ

liệu hình ảnh camera thu được, lời khai nhân chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 04 giờ ngày 13/6/2024, NNT đã có hành vi một mình lén nút điều khiển xe mô tô mang biển số 23D1 - 044.80 đến cửa hàng đá mỹ nghệ J, trộm cắp 05 tấm đá chạm khắc hình phù điêu giá trị tài sản là 60.000.000 (*Sáu mươi triệu*) đồng. Tại thời điểm thực hiện hành vi (ngày 13/6/2024), bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c (*điểm c: Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*) khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội.

- Xét về nhân thân của bị cáo:

[6] Tại Bản án số 08/2014/HSST ngày 14/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xử phạt 32 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tại Bản án số 18/2021/HSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” (đều đã được xóa án tích).

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[7] Bị cáo NNT không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Bị cáo ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có 02 tiền án (đều đã được xóa án tích) nên cần đánh giá bị cáo là người có nhân thân xấu, coi thường pháp luật, không từ bỏ con đường phạm tội; xét xử bị cáo mức án nghiêm, bắt bị cáo phải tiếp tục chấp hành tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phát huy tác dụng răn đe, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[10] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự:

[11] Bị hại chị BH tại giai đoạn điều tra đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

[12] Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo 01 quần vải dài màu nâu, 01 áo phông ngắn tay màu xanh đậm có chữ “Li ning” trước ngực (đã qua sử dụng) và 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển số 23D1 - 044.80. Do quần, áo cũ không còn giá trị sử dụng; tại phiên tòa sau khi được hỏi bị cáo không có nhu cầu nhận lại. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển số 23D1 - 044.80 là tài sản của vợ chồng ông E (đã chết) và bà NLQ là mẹ đẻ bị cáo, ngày 13/6/2024 bị cáo sử dụng chiếc xe trên đi trộm cắp tài sản bà NLQ không biết, ngày 15/10/2024 bà NLQ có đơn xin lại. Căn cứ điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 quần vải dài màu nâu, 01 áo phông ngắn tay màu xanh đậm có chữ “Li ning” trước ngực (đã qua sử dụng). Trả lại cho bà NLQ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển số 23D1 - 044.80.

- Về án phí:

[13] Bị cáo phải nộp 200.000 nghìn đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[14] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Trong vụ án này:

[15] Đối với NLC và NLC1 không biết về nguồn gốc những tài sản mà NNT mang đến cho và bán là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo NNT phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: NNT 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/6/2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 quần vải dài màu nâu, 01 áo phông ngắn tay màu xanh đậm có chữ “Li ning” trước ngực thu giữ, tạm giữ của NNT (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bà NLQ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển số 23D1 - 044.80 (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo NNT phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo NNT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại chị BH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà NLQ được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự quận Hồng Bàng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười

- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.